Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

PHẬT NÓI
ĐẾ THÍCH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư (kẻ bầy tôi là) THI HỘ phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong **núi Thứu Phong** (Gṛdhrakūṭa) tại **thành Vương Xá** (Rāja-gṛha), có vô số Chúng Đạt Bật Sô với mười câu chi **Đồng Tử Tướng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Kumāra-bhūtaiḥ-bodhisatva-mahābodhisatva)

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đế Thích Thiên Chủ: "Này **Kiêu Thi Ca** (Kauśika)! **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñāpāramitā) này có nghĩa thú thâm sâu, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải tướng chẳng phải không có tướng, chẳng phải chọn lấy chẳng phải buông bỏ, chăng phải tăng chẳng phải giảm, chẳng phải có phiền não chẳng phải không có phiền não, chẳng phải buông xả chẳng phải chẳng buông xả, chẳng phải trụ chẳng phải chẳng trụ, chẳng phải tương tứng chẳng phải chẳng tương ứng, chẳng phải phiền não chẳng phải chẳng phiền não, chẳng phải duyên chẳng phải chẳng duyên, chẳng phải thật chẳng phải chẳng thật, chẳng phải Pháp chẳng phải chẳng Pháp, chẳng phải có chỗ về chẳng phải không có chỗ về, chẳng phải thật tế chẳng phải chẳng thật tế.

_Này Kiêu Thi Ca! Như vậy tất cả Pháp bình đẳng thì Bát Nhã Ba La Mật cũng bình đẳng.

Tất cả Pháp vắng lặng (tịch tĩnh) thì Bát Nhã Ba La Mật cũng vắng lặng.

Tất cả Pháp chẳng động thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng động.

Tất cả Pháp phân biệt thì Bát Nhã Ba La Mật cũng phân biệt

Tất cả Pháp đáng sợ (bố úy) thì Bát Nhã Ba La Mật cũng đáng sợ

Tất cả Pháp biết rõ hết (liễu tri) thì Bát Nhã Ba La Mật cũng biết rõ hết

Tất cả Pháp có một vị thì Bát Nhã Ba La Mật cũng có một vị

Tất cả Pháp chẳng sinh thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng sinh

Tất cả Pháp chẳng diệt thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng diệt

Tất cả Pháp hư không vọng tưởng thì Bát Nhã Ba La Mật cũng hư không vọng tưởng

Hình chất (Sắc) vô biên thì Bát Nhã Ba La Mật cũng vô biên. Như vậy cảm giác (Thọ), tri giác (Tưởng), Hành (hoạt động tâm ý), nhận biết (Thức) vô biên thì Bát Nhã Ba La Mật cũng vô biên.

Địa Giới vô biên thì Bát Nhã Ba La Mật cũng vô biên. Như vậy Thủy Giới, Hỏa Giới, Phong Giới, Không Giới, Thức Giới thì Bát Nhã Ba La Mật cũng vô biên.

Kim cương bình đẳng thì Bát Nhã Ba La Mật cũng bình đẳng.

Tất cả Pháp chẳng hoại thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng hoại

Tất cả Pháp Tính chẳng thể đắc thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng thể đắc

Tất cả Pháp Tính bình đẳng thì Bát Nhã Ba La Mật cũng bình đẳng

Tất cả Pháp không có Tính thì Bát Nhã Ba La Mật cũng không có Tính.

Tất cả Pháp chẳng thể nghĩ bàn thì Bát Nhã Ba La Mật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy Bố Thí Ba La Mật, Trì Giới Ba La Mật, Nhẫn Nhục Ba La Mật, Tinh Tiến Ba

Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

La Mật, Thiền Định Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, Nguyện Ba La Mật, Lực Ba La Mật, Trí Ba La Mật cũng vô biên.

Ba nghiệp thanh tịnh thì Bát Nhã Ba La Mật thanh tịnh.

Như vậy Bát Nhã Ba La Mật có nghĩa thú thâm sâu

_Lại nữa Kiêu Thi Ca! Hết thảy có mười tám Không. Thế nào là mười tám? Ấy là: **Nội Không** (Ādhyātma-śūnyatā), **Ngoại Không** (Bahirdhā-śūnyatā), **Nội Ngoại Không** (Ādhyātmā-bahirdhā-śūnyatā), **Không Không** (Śūnyatā-śūnyatā), **Đại Không** (Mahā-śūnyatā), **Thắng Nghĩa Không** (Paramārtha-śūnyatā), **Hữu Vi Không** (Saṃskṛta-śūnyatā), **Vô Vi Không** (Asaṃskṛta-śūnyatā), **Vô Tế Không** (Atyanta-śūnyatā), **Vô Biến Dị Không** (Anādyagra-śūnyatā), **Vô Thủy Không** [(ana)pakāra-śūnyatā], **Bản Tính Không** (Prakṛti-śūnyatā), **Tự Tướng Không** (Svalakṣaṇa-śūnyatā), **Vô Tướng Không** (Anupalambha-śūnyatā), **Vô Tính Không** (Abhāva-śūnyatā), **Vô Tính Tự Tính Không** (Abhāvasvabhāva-śūnyatā), **Nhất Thiết Pháp Không** (Sarvadharma-śūnyatā).

Tụng là:

"Như sao, như đèn, lọng
Mộng, huyễn với bọt, sương
Như điện cũng như mây
Nên tác quán như vậy

Nay Ta lược nói đây
Bát Nhã Ba La Mật
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Chẳng Đoạn cũng chẳng Thường
Chẳng một chẳng nhiều nghĩa
Chẳng đến cũng chẳng đi
Như vậy mười hai Duyên
Ngưng nghỉ khiến vắng lặng (tịch tĩnh)

Chính Đẳng Chính Giác nói
Cung kính Thầy tối thượng (Tối Thượng Sư)
Quy y Phật mười phương
Quá khứ, hiện, vị lai
Tam Bảo, Ba La Mật
Vô lượng biển Công Đức
Cúng dường các Như Lai
Đại Minh chân bí mật"

Chân Ngôn là:

_Đát nễ-dã tha: Bát-la nghê, bát-la nghê, ma hạ bát-la nghê, bát-la nghê, phộc bà tế, bát-la nghê, lỗ ca, ca lý, a nghê-dã nẵng , vĩ đà ma nễ, tất đề, tô tất đề, tất đình đỗ hàm, bà nga phộc đế, tát lý-tông nga, tốn na lý, bạt cật-đế, vãn sa lệ, bát-la sa lý đa, hạ tất-đế, tam ma sa-phộc sa, ca lý, tất đình tất đình, một đình một đình, kiếm ba kiếm ba, tả la tả la, la phộc la phộc, a nga tha a nga tha, bà nga phộc đế, ma vĩ la bà, sa-phộc hạ

Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

TADYATHĀ: PRAJÑE PRAJÑE _ MAHĀ-PRAJÑA ABHĀSE PRAJÑA ALOKA KARE _ AJÑĀNA VIDHAMANI _ SIDDHE SUSIDDHE _ SIDDHYAṂTU MĀṂ BHAGAVATI _ SARVA AṄGA SUNDARĪ BHAKTI VĀK-SĀLI PRASĀLITĀ-HASTE _ SAMAŚVĀSA KARI _ SIDDHA SIDDHA _ BUDDHA BUDDHA_ KAṂPA KAṂPA _ CALA CALA _ RAVA RAVA _ ĀGACCHA ĀGACCHA _ BHAGAVATI MAVILAMBHA SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

(oṁ) prajñe mahāprajñe prajñāvabhāse prajñālokakāri ajñānavidhamane siddhe susiddhe siddhyamane (bha)gavate sarvāṅgasundari (bha)ktivatsale prasārahaste samāśvāsakare sidhya sidhya, budhya budhya, kampa kampa, cala cala, rāva rāva, āgaccha bhagavate mā vilamba svāhā]

(ND:Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Đại Đà La Ni)

_Nẵng mô đạt lý-mô nại-nga đa tả, mạo địa tát-đỏa tả, ma hạ tát-đỏa tả, ma hạ ca lỗ ni ca tả.

Nẵng mô sa na bát-la lỗ nỉ đát tả, mạo địa tát-đỏa tả, ma hạ tát-đỏa tả, ma hạ ca lỗ ni ca tả.

Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Mưu nễ đạt lý di, tăng nga-la hạ, đạt lý-di, a nỗ nga-la hạ, đạt lý-di, vĩ mục cật-đa, đạt lý-di, tát đỏa nỗ nga-la hạ, đạt lý-di, phệ thất-la phộc nõa, đạt lý-di, tam mãn đa nỗ ba lý phộc lý-đa nẵng, đạt lý-di, ngu nõa nga-la hạ, tăng nga-la hạ, đạt lý-di_ Tát lý-phộc đát-la nỗ nga đa, đạt lý-di,_ Tát lý-phộc ca la ba lý bát-la ba nõa, đạt lý-di, sa-phộc hạ.

NAMO DHARMA-UDGATASYA_ BODHI-SATVĀYA_ MAHĀ-SATVĀYA_ MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

NAMO ṢAḌ-PĀRAMITASYA_ BODHI-SATVĀYA_ MAHĀ-SATVĀYA_ MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

NAMO PRAJÑĀ-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: MUṆI-DHARME _ SAṂGRAHA-DHARME _ ANUGRAHA-DHARME _ VIMIKUTA-DHARME _ SADĀNUGRAHA-DHARME _ VAIŚRAVAṆA-DHARME_ SAMANTA ANUPARIVARTANA-DHARME _ GUṆA-GRAHA _ SAṂGRAHA-DHARME _ SARVA TRĀNUGATA-DHARME_ SARVA KARA PARIPŪRṆA-DHARME _ SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namo dharmodgatasya bodhisattvasya mahāsattvasya mahākāruṇakasya||

namo prajñāpāramitāyai| tadyathā-munidharme saṁgrahadharme anugrahadharme vimokṣadharme sattvānugrahadharme vaiśramaṇadharme samantanuparivartanadharme guṇigrahasaṁgrahadharme sarvatrānugatadharme sarvakālaparipūrṇadharme svāhā]

(ND:Bát Nhã Ba La Mật Đa Thông Minh Thần Chú)

_Bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: A khư nễ nẵng khư nễ, a khư nẵng nễ khư nễ, a phộc la vãn đà nễ, bán na nễ bán na nễ, bát nại lý, sa-phộc hạ

PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: AKHAṆI NAKHAṆI _ AKHANA NIKHAṆI _AVARAṆAM BANDHANI BANDHANI _ BHADRI_ SVĀHĀ

Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namo prajñāpāramitāyai| tadyathā-akhane nikhane mukhana nekhane (avaravandane) paṭane paṭane paṭare svāhā]

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Ngang nga ngang nga nẵng đế la, ngang nga nẵng đế nẵng, phộc bà sa, ngang nga, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: GAṄGĀ GAṄGĀ _ NATILĀ GAṄGĀ _ NATINA AVABHĀSA _ GAṄGĀ _ SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namo prajñāpāramitāyai| tadyathā-gaṅgā gaṅgā na tīrāvabhāsa gaṅgā svāhā]

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Thất-lý duệ, thất-lý duệ, mữu nễ thất-lý duệ, mưu nễ thất-lý dã tế, sa-phộc hạ.

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: ŚRĪYE ŚRĪYE _ MUṆI- ŚRĪYE _ MUṆI-ŚRĪYASE_ SVĀHĀ

(ND:Văn Trì Bất Vong Đà La Ni)

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Án, phộc la, vĩ lệ, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: OṂ_ VARA VĪRE SVĀHĀ

(Bát Nhã Dữ Nguyện Tinh Tiến Đà La Ni)

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Án, hột-lăng, thất-lăng, đặc-lăng, thất-lỗ đế, đặc-lý đế, sa mật-lý nga đế, vĩ duệ nhạ, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: OṂ_ HRĪḤ ŚRĪ DHĪḤ ŚRŪṬHI DRḌHE SMṚTI VIJAYE SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namo prajñāpāramitāyai| tadyathā-oṁ hrī śrī dhī śruti smṛti mati gati vijaye svāhā]

(ND: Bát Nhã Vô Tận Tạng Đà La Ni)

_ Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Tông phộc lý, tông phộc lý, ma hạ tông phộc lý, độ lỗ độ lỗ, ma hạ độ lỗ, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: SAṂVĀRI SAṂVĀRI_ MAHĀ-SAṂVĀRI _ DHURU DHURU _ MAHĀ-DHURU SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namo prajñāpāramitāyai| tadyathā-bambari bambari mahābambari būru būru mahābūru svāhā]

Kinh Mật Giáo: http://kinhmatgiao.wordpress.com

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Hổ đế, hổ đế, hổ đa, thiết nễ, tát lý-phộc, ca lý-ma, phộc la nõa nễ, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: HUTE HUTE HUTA_ ŚINI _ SARVA KARMA AVARAṆANI SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận bài Chú này là:

namaḥ prajñāpāramitāyai| tadyathā-hūte hūte hūvitāśane sarva-karmāvaraṇane svāhā]

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Án, a lỗ lê ca, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: OṂ AROLIK SVĀHĀ

(ND: Bát Nhã Liên Hoa Bộ Tâm Chú)

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Án, tát lý-phộc vĩ đổ, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: OṂ SARVA VID SVĀHĀ

_Nẵng mô bát-la nghê-dã, ba la di đa duệ.

Đát nễ-dã tha: Nga đế, nga đế, ba la nga đế, ba la năng nga đế, mạo địa, sa-phộc hạ

NAMO PRAJÑA-PĀRAMITĀYE

TADYATHĀ: GATE GATE PĀRAGATE PĀRASAṂGATE BODHI SVĀHĀ

(ND: Bát Nhã Đại Tâm Đà La Ni)

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Kinh này xong thời Đế Thích Thiên Chủ với các Bồ Tát Ma Ha Tát, Trời, Người, Càn Thát Bà, A Tu La…tất cả Đại Chúng nghe lời Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI ĐẾ THÍCH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 17/08/2011